Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**120,886,000,000**	**114,001,000,000**	**6,885,000,000**	**54,451,703,290**	**53,707,641,910**	**744,061,380**	**45.04**	**47.11**	**10.81**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	23,244,000		23,244,000	5,811,000		5,811,000	25		25
4	Chi văn hóa, thông tin	6,409,105,000	6,249,105,000	160,000,000						
5	Chi phát thanh, truyền thanh	1,016,046,000	988,000,000	28,046,000	2,011,500		2,011,500	0.2		7.17
6	Chi thể dục, thể thao	10,000,000		10,000,000						
7	Chi bảo vệ môi trường	90,000,000		90,000,000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	105,701,686,000	103,791,686,000	1,910,000,000	53,707,641,910	53,707,641,910		50.81	51.75	
	Hội khuyến học									
	Hội người cao tuổi									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7,046,911,000	2,972,209,000	4,074,702,000	664,716,660		664,716,660	9.43		16.31
10	Chi cho công tác xã hội	139,008,000		139,008,000	34,752,000		34,752,000	25		25
11	Chi khác	45,000,000		45,000,000	36,770,220		36,770,220	81.71		81.71
12	Dự phòng	405,000,000		405,000,000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									